TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH** Bản án số: 01/2025/HS-ST Ngày: 17-01-2025	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Bình;

2. Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên **Vũ Văn T**, sinh năm 1986; Giới tính: Nam; ĐKHKTT: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Chỗ ở hiện nay: thôn N, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Đảng phái: không. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: Đại học; con ông Vũ Đức Á, sinh năm 1959 và con bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Cao Thị T2, sinh năm 1991; có 03 con, con lớn nhất, sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/10/2024 đến ngày 29/10/2024 áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

Bị hại: Chị Hoàng Thị T3, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; "có mặt".

Người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1990 "có mặt".

2. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1986 "có mặt".

3. Ông Tạ Văn C, sinh năm 1968 "có mặt".

4. Chị Cao Thị M, sinh năm 1979 "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2024, chị Cao Thị M, sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng tại thôn T, xã N. Thông qua chị Cao Thị T2, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã N, huyện N (em gái chị M), giới thiệu cho chị M liên hệ với chị Hoàng Thị T3, sinh năm 1985, trú tại thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định làm dịch vụ hồ sơ cho, tặng quyền sử dụng đất. Chị M và chị T3 thống nhất số tiền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 35.000.000 đồng (trong đó 33.000.000 đồng tiền làm hồ sơ pháp lý, 2.000.000 đồng tiền công chứng). Do bố mẹ chị M đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, chị M và chị T3 thống nhất chi phí đi lại của chị T3 sẽ do chị M chi trả, tổng phí đi lại, ăn uống hết 20.000.000 đồng, chị Cao Thị L, sinh năm 1982, trú tại phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (là em gái chị M) đưa cho chị T3 20.000.000 đồng (sau đó chị M nhận nợ với chị L). Tuy nhiên, chị T3 đã không làm được thủ tục sang tên cho chị M nên đã trả lại cho chị M số tiền 33.000.000 đồng. Nhưng chị M cho rằng chị T3 vẫn nợ những chi phí đi lại là 20.000.000 đồng nên chị M gọi điện thoại uỷ quyền cho Vũ Văn T, sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã N, huyện N (là chồng chị Cao Thị T2) đòi số tiền này.

Khoảng 8 giờ ngày 19/10/2024, Vũ Văn T gọi điện thoại cho chị Hoàng Thị T3 nhưng chị T3 không nghe máy, T đi đến cổng nhà chị T3. Lúc này, chị T3 đi từ ngoài về. Thấy vậy, T to tiếng chửi bới "sao tao gọi mày không nghe máy, mày nghe máy sao lại tắt đi". Chị T3 mở cửa mời T vào trong nhà. Khi vào trong nhà, T chửi "Đ… con mẹ mày, tiền mày cầm của chị tao để lo việc mà không lo được thì mày phải trả đủ chứ". Chị T3 trả lời đã đưa trả đủ rồi. T tiếp tục chửi và chỉ tay vào mặt chị T3 nói "Đ.. mẹ mày con đĩ, mày lừa đảo, trả lại tiền còn thiếu chị tao 20.000.000 đồng"; "Mày không trả tiền tao mày đừng trách tao"; "Mày đừng để tao phải nóng lên". Chị T3 giải thích nhưng T không nghe vẫn tiếp tục chỉ tay vào mặt chị T3 chửi bới. Do sợ hãi chị T3 lấy 10.000.000 đồng để trên mặt bàn. Tiệp không đồng ý, chị T3 chuyển 10.000.000 đồng nữa cho T từ số tài khoản 19442957 Ngân hàng A vào số tài khoản 3212205123550 Ngân hàng A1 của T. Tiệp đứng dậy, cởi trần, đi ra phía ngoài cửa rồi tiếp tục chửi "Đ… mẹ con lợn này, mày

không trả tiền thì không xong với tao đâu, mày đi làm mày lấy công, giờ mày không làm được việc thì mày phải trả tiền đủ, tiền công tao lên đây và phạt tiền hồ sơ 20.000.000 đồng". Lúc này, chị T3 sợ hãi, khóc lóc và điện thoại cho chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã N, huyện N để hỏi vay 5.000.000 đồng để trả cho T. Sau đó, T giả vờ cầm điện thoại gọi cho ai đó, nói "Mày đang đâu đấy, cho mấy anh em đến xử con này cho tao". Sau đó, chị H đến và đưa tiền cho chị T3 vay số tiền 5.500.000 đồng, chị T3 lấy trong nhà ra 4.500.000 đồng, T vẫn tiếp tục chửi, nói chị T3 phải trả thêm 20.000.000 đồng. Chị T3 bị T chửi bới, đe doạ nên sợ hãi nên tiếp tục chuyển tiền từ số tài khoản 19442957 Ngân hàng A vào số tài khoản 3212205123550 Ngân hàng A1 của T 10.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền mặt để trên mặt bàn. Lúc này một số người dân đến nhà chị T3 nên T không chửi nữa mà cầm số tiền 20.000.000 đồng trên bàn và ra về. Tổng số tiền T chiếm đoạt của chị T3 là 40.000.000 đồng, trong đó chị T3 chuyển vào tài khoản của T 20.000.000đồng và 20.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi lấy được tiền T chuyển khoản từ số tài khoản 3212205123550 Ngân hàng A1 của T qua số tài khoản 19036933022019 Ngân hàng T5 của chị M số tiền 20.000.000 đồng và nói với chị M đã lấy được tiền từ chị T3 (chị M không biết số tiền này là do T phạm tội mà có). Còn lại số tiền 20.000.000 đồng Tiệp cất trong phòng ngủ của gia đình.

Ngày 20/10/2024, chị Hoàng Thị T3 làm đơn tố cáo hành vi cưỡng đoạt tài sản của T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ 04 đoạn camera an ninh ghi lại toàn bộ sự việc xảy ra ngày 19/10/2024 tại nhà chị Hoàng Thị T3 lần lượt có độ dài là: 2 phút 20 giây; 3 phút 55 giây; 2 phút 54 giây; 5 phút 5 giây ký hiệu A1, A2, A3, A4.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ tài liệu đồ vật gì liên quan.

Quá trình điều tra, Vũ Văn T tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000đồng, chị M tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 1822/KL-KTHS ngày 08/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong toàn mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4).

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung vụ án nêu trên.

bị hại: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo ăn năn hối cải, trả lại toàn bộ số tiền cho bị hại, tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Vũ Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản"; Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Vũ Văn T tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000đồng, chị M tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại số tiền 40.000.000 đồng cho chị Hoàng Thị T3. Chị Thu N lại số tiền và không yêu cầu có yêu cầu bồi thường khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Văn T, do đó về trách nhiệm dân sự không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận: Bị cáo, bị hại và Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã phạm tội, bị cáo xin hứa sửa chữa lỗi lầm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên toà, bị cáo khai nhận về hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng truy tố và thừa nhận đã phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu khác lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 19/10/2024, tại nhà chị Hoàng Thị T3, sinh năm 1985, ở thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vũ Văn T có hành vi chửi bới, đe doạ dùng vũ lực đối với chị Hoàng Thị T3 để chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, cụ thể trong vụ án này xâm phạm trực tiếp đến tài sản của chị Hoàng Thị T3, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại và chị M cũng đã trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại. Tại phiên tòa bị hại đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương; Ngoài ra, bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ hay bị ốm do hội chứng đau đầu phải điều trị tại Bệnh viện nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân từ trước tới nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người công dân, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cũng đảm bảo mục đích của hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Vũ Văn T tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000đồng, chị M tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại số tiền 40.000.000 đồng cho chị Hoàng Thị T3. Chị Thu N lại số tiền và không yêu cầu có yêu cầu bồi thường khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Văn T, do đó về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Đối với chị Cao Thị M là người nhờ Vũ Văn T đến đòi tiền chị Hoàng Thị T3, chị M không chỉ đạo hoặc xúi giục và không biết T chửi bới, đe doạ dùng vũ lực chị T3 để chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng nên hành vi của chị Cao Thị M không cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản". Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xem xét trách nhiệm của chị M.

Ngày 02/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N có Công văn số 283/CV-HSHSMT uỷ thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh lấy lời khai của chị Cao Thị L theo địa chỉ chị M cung cấp. Ngày 01/12/2024, Công an phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có biên bản xác minh gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N: không có ai tên Cao Thị L, sinh năm 1982 trên địa bàn phường nên không tiến hành làm việc được với chị L.

[9] Về án phí: Bị cáo Vũ Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

1.1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản";

1.2. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 27 (hai mươi bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (năm mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/10/2024 đến ngày 29/10/2024).

Giao bị cáo Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho

hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

1.3. Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" số 277 ngày 29/10/2024 của Công an huyện N, tỉnh Nam Định đối với bị cáo Vũ Văn T.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H1 **Nguyễn Thế B**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện;
- THA dân sự, THA hình sự;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga